

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/DS-ST
Ngày: 25 – 7 – 2019
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vinh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Thịnh.

Ông Nguyễn Văn Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hạnh-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Xuân Mai-Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 122/2019/TLST-DS, ngày 11 tháng 6 năm 2019, về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2019/QĐXXST-DS, ngày 08 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lâm Hoàng D, sinh năm 1977

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Đoàn Thị L, sinh năm 1981, cùng địa chỉ: Số *, ấp C, xã K, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy ủy quyền ngày 11/6/2019 (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Long H, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1966, cùng địa chỉ ấp M, xã N, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Nơi làm việc của ông H: Trường Tiểu học N, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 07/6/2019, biên bản hoà giải ngày 08/7/2019 và các tài liệu chứng cứ khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lâm Hoàng D trình bày:*

Vào ngày 07 tháng 9 năm 2018 âm lịch (nhằm ngày 15/10/2018 dương lịch), ông Nguyễn Long H và vợ bà Nguyễn Thị Hồng T có vay của ông số tiền 40.000.000 đồng, để làm kinh tế gia đình, có hứa trả lãi hàng tháng, theo mức lãi suất hai bên tự thỏa thuận 3%/tháng, khi vay tiền ông H, bà T có viết biên nhận và hứa đúng 05 tháng sẽ trả vốn. Nhưng từ khi vay đến nay, ông H và bà T không trả lãi theo thỏa thuận và đến hạn cũng không trả vốn, ông đã nhiều lần yêu cầu ông H, bà T trả nợ nhưng ông, bà không trả.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Long H, bà Nguyễn Thị Hồng T cùng liên đới trả 40.000.000 đồng tiền vốn và tiền lãi từ ngày 07 tháng 9 năm 2018 âm lịch (nhằm ngày 15/10/2018 dương lịch), đến khi xét xử sơ thẩm, với lãi suất 3%/tháng, tạm tính là 07 tháng 23 ngày, tiền lãi là 9.200.000 đồng. Tổng cộng tiền vốn và lãi tạm tính là 49.200.000 đồng.

**Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/7/2019, biên bản hoà giải ngày 08/7/2019 và các tài liệu chứng cứ khác trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Long H trình bày:*

Vào ngày 07 tháng 9 năm 2018 âm lịch (nhằm ngày 15/10/2018 dương lịch), ông có vay của ông Lâm Hoàng D số tiền 40.000.000 đồng, vay để trả nợ cá nhân, theo mức lãi suất hai bên tự thỏa thuận 8%/tháng, khi vay ông có viết biên nhận và hứa đúng 05 tháng sẽ trả vốn và lãi đầy đủ. Từ khi vay, ông trả tiền lãi hàng tháng đầy đủ, không có thiếu tháng nào, việc trả tiền lãi không có làm biên nhận và không có chứng cứ gì chứng minh. Khi vay tiền ông ghi thêm tên của vợ ông (bà Nguyễn Thị Hồng T) vào biên nhận nợ, thực tế thì vợ ông không biết ông vay số tiền này.

Trước yêu cầu khởi kiện của ông D, ông thừa nhận còn nợ 40.000.000 đồng tiền vốn, tiền lãi không có thiếu vì đã trả đầy đủ. Ông sẽ trả cho ông D 15.000.000 đồng trong tháng 7/2019, số tiền còn lại 25.000.000 đồng ông sẽ trả dần hàng tháng từ 1.000.000 đồng-2.000.000 đồng cho đến hết nợ.

**Tại biên bản hoà giải ngày 08/7/2019 và các tài liệu chứng cứ khác trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng T trình bày:*

Bà thống nhất với lời trình bày của chồng bà, ông Nguyễn Long H, về việc bà không biết việc vay tiền của ông H với ông Lâm Hoàng D, tên bà trong giấy vay tiền là do ông H tự ghi thêm, trước yêu cầu của ông D, bà không đồng ý trả nợ cùng với chồng bà, vì bà hoàn toàn không biết số tiền nợ này.

*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách cho rằng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện của nguyên đơn, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Về tố tụng:

[1] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Đoàn Thị L, thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc không yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng T liên đới trả nợ cùng với ông Nguyễn Long H, bà L chỉ yêu cầu một mình ông H trả số tiền nợ vay 40.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 15/10/2018 đến khi xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất 0,833%/tháng ($\Leftrightarrow 10\%/năm$). Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 71 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nội dung:

[2] Ông Lâm Hoàng D và ông Nguyễn Long H đều thừa nhận có giao dịch vay tài sản với nhau và hiện nay ông H thừa nhận còn nợ ông D số tiền vốn 40.000.000 đồng, đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Căn cứ vào biên nhận mượn tiền ngày 07/9/2018 âm lịch (nhằm ngày 15/10/2018 dương lịch) thể hiện nội dung là ông H có mượn của ông D 40.000.000 đồng và thoả thuận đúng 05 tháng sau sẽ trả đủ 01 lần. Như vậy, giao dịch vay tài sản là có thời hạn 05 tháng và không có thoả thuận lãi.

[4] Tuy nhiên, trên thực tế các đương sự đều có tính lãi nhưng không thống nhất với mức lãi suất đã áp dụng, ông D cho rằng mức lãi suất 3%/tháng, còn ông H cho rằng mức lãi suất 8%/tháng. Nhưng các đương sự đều không có chứng cứ gì để chứng minh, cho nên được xác định đây là trường hợp có tranh chấp về mức lãi suất. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định mức lãi suất áp dụng để tính lãi là 0,833%/tháng.

[5] Đối với số tiền lãi đã trả: Ông H cho rằng tiền lãi hàng tháng khoảng 3.200.000 đồng ông đóng đầy đủ, nhưng không có chứng cứ chứng minh. Ngược lại, người đại diện theo ủy quyền của ông D không thừa nhận, mà cho rằng ông H không có đóng lãi. Căn cứ vào Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử xác định ông H chưa đóng tiền lãi cho ông D.

[6] Tiền lãi trên 40.000.000 đồng được tính như sau:

Thời gian tính lãi: 09 tháng 10 ngày (từ ngày 15/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 25/7/2019).

Mức lãi suất 10%/năm ($\Leftrightarrow 0,833\%/tháng$)

Thành tiền: 40.000.000 đồng x 0,833%/tháng x 09 tháng 10 ngày = 3.109.000 đồng (đã làm tròn số).

[7] Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Hợp đồng vay tài sản là sự thoả thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản sẵn cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và phải chịu lãi nếu có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định*”; và tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...*”.

[8] Xét trách nhiệm liên đới của bà Nguyễn Thị Hồng T: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu chỉ khởi kiện ông H, không khởi kiện bà Nguyễn Thị Hồng T, vợ ông H, để yêu cầu bà T phải có trách nhiệm liên đới đối với khoản vay của ông H. Mặt khác, việc ông H vay tiền của ông D để trả nợ cá nhân, bà T, vợ ông H, hoàn toàn không biết. Biên nhận nợ có tên bà T là do ông H tự ghi thêm vào, bà T cũng không đồng ý cùng với ông H trả nợ cho ông D. Do đó, không có cơ sở để xác định bà T phải chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch dân sự do ông H thực hiện với ông D, theo quy định tại Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Điều 288 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[9] Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các điều 280, 357, 166, 463, 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Hoàng D, buộc ông Nguyễn Long H phải có nghĩa vụ trả cho ông D số tiền vay 40.000.000 đồng và tiền lãi 3.109.000 đồng, tổng cộng là 43.109.000 đồng.

[10] Về phương thức trả nợ: Ông H yêu cầu được trả dần số tiền nợ cho ông D theo phương thức trả định kỳ hàng tháng từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng, cho đến khi dứt nợ. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông D không đồng ý, cho nên, Hội đồng xét xử không thể chấp nhận phương thức trả nợ của ông H đưa ra, tuy nhiên, các đương sự có thể tiếp tục thoả thuận phương thức trả nợ phù hợp ở giai đoạn thi hành án.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông D đối với ông H được chấp nhận, nên ông H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể như sau:

- Buộc bị đơn ông H phải chịu 2.155.450 đồng.

- Nguyên đơn ông D không phải chịu và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[12] Khi Bản án có hiệu lực pháp luật, căn cứ vào điểm g khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2019/QĐ-BPKCTT, ngày 24/6/2019 và trả lại cho ông Lâm Hoàng D số tiền đảm bảo 49.200.000 đồng, đang bị phong tỏa tại tài khoản số 7602215015529 của Ngân hàng X, chi nhánh huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

[13] Đề nghị của Kiểm sát viên về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, theo như nhận định và phân tích nêu trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 71, Điều 138, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các điều 280, 357, 166, 463, 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26 của Luật Thi hành án Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điểm a khoản 2 Điều 5 của [Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.](#)

Tuyên xử:

1. Chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Hoàng D về việc không yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng T liên đới trả nợ cùng với ông Nguyễn Long H, ông D chỉ yêu cầu một mình ông H trả số tiền nợ vay 40.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 15/10/2018 đến khi xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất 0,833%/tháng ($\Leftrightarrow$ 10%/năm).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Hoàng D, buộc ông Nguyễn Long H phải có nghĩa vụ trả cho ông D số tiền vốn và lãi là 43.109.000 đồng (trong đó tiền vốn 40.000.000 đồng và tiền lãi 3.109.000 đồng).

3. Khi Bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Lâm Hoàng D có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Nguyễn Long H còn phải trả tiền lãi cho ông D theo mức lãi suất 10%/năm, đối với số tiền chậm thi hành án.

4. Khi Bản án có hiệu lực pháp luật, hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2019/QĐ-BPKCTT, ngày 24/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách; Trả lại cho ông Lâm Hoàng D số tiền đảm bảo 49.200.000 đồng, đang bị phong tỏa tại tài khoản số 7602215015529 của Ngân hàng X, chi nhánh huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông H phải chịu 2.155.450 đồng.

- Ông D không phải chịu và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.230.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0008604, ngày 07/6/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

6. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSH Kế Sách (khi đã có hiệu lực);
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Vinh Thắng